| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **1210/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Ly hôn giữa ông Ph và bà Th

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Minh Tường.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đoàn Văn Rỹ và bà Thái Thục Hiền.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2022/QĐXXST-HNGĐ-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Thanh Ph,** sinh năm 1986 (Vắng mặt);
Giấy chứng minh nhân dân Số: 311823747;
Địa chỉ thường trú/liên lạc: ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Anh Th,** sinh năm 1996 (Vắng mặt);
Giấy chứng minh nhân dân Số: 025398220;
Địa chỉ thường trú: Số A đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, ông Võ Thanh Ph (sau đây gọi tắt là ông Ph) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Anh Th (sau đây gọi tắt là bà Th).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Ph khai:

- *Về quá trình kết hôn và chung sống:* Ông Ph và bà Th cùng tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 116 Quyển số: 01/2014 ngày 27 tháng 8 năm 2014.

- *Về con chung:* Ông Ph và bà Th không có con.

- *Về tài sản chung:* Ông Ph và Th không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông Ph và bà Th không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Ph khai về mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu khởi kiện ly hôn:*

Cuộc sống chung vợ chồng giữa ông Ph và bà Th có hạnh phúc được một thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, vào đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn rồi chia tay nhau và ly thân cho đến nay. Sau khi chia tay, ông Ph trở về quê nhà ở xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang sinh sống và không gặp lại bà Th nữa. Ông Ph không biết hiện nay bà Th đang làm gì, ở đâu và không biết được tin tức gì về bà Th; ông Ph đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với bà Th và được Tòa án chấp nhận tuyên bố một người là mất tích đối với bà Th theo nội dung Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích Số: 97/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (bà Th) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn (bà Th) vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Ph, trình bày yêu cầu phản tố (nếu có), cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Th.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là ông Ph vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án trước khi mở phiên tòa, do nguyên đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Th vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nên phần tranh luận và đối đáp của các đương sự tại phiên tòa không thực hiện được.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97 và 98 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 241, 247, 254, và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt các bên đương sự sau khi đã tống đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72, 199, 200 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và căn cứ vào khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình tranh chấp "Ly hôn".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có đăng ký thường trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:*

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Th các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bà Th theo đúng quy định tại các Điều 177, 179,196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là bà Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không rõ lý do; bà Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Đối với nguyên đơn, trước khi mở phiên tòa đã trình bày yêu cầu khởi kiện, có lời khai về vụ án, cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp, đầy đủ và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ph và bà Th chung sống vợ chồng từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Ông Ph và bà Th sống chung với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn rồi chia tay nhau và ly thân cho đến nay. Lý do ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Th vì bà Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích Số: 97/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bà Th mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án này cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án thì bà Th vẫn vắng mặt. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ph, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho ông Ph được ly hôn với bà Th.

- *Về con chung:* Ông Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Th không có con, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ông Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Th không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Th không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị đơn là bà Th đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là bà Th đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 238, 254, 262 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh Ph.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa ông Võ Thanh Ph và bà Trần Thị Anh Th.

Giấy chứng nhận kết hôn Số: 116 Quyển số: 01/2014 ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Ông Võ Thanh Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Trần Thị Anh Thư không có con, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Ông Võ Thanh Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Trần Thị Anh Th không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông Võ Thanh Ph xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà Trần Thị Anh Th không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2.** Về án phí:

Buộc ông Võ Thanh Ph phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền mà ông Võ Thanh Ph đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/ **0043581** ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Thanh Ph đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, nguyên đơn là ông Võ Thanh Ph vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Trần Thị Anh Th vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn là ông Võ Thanh Ph và bị đơn là bà Trần Thị Anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tường**